TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Số: 98/2026/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 165/2026/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Phạm Huỳnh N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau).

- *Bị đơn*: Anh **Trương Tấn T**, sinh năm 1993. Nơi ĐKHKTT: ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường L, tỉnh Cà Mau); Nơi ở hiện nay: Số B, đường V, Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Phạm Huỳnh N với anh Trương Tấn T.

2/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phạm Huỳnh N và anh Trương Tấn T thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Trương Tấn L, sinh ngày 28/3/2021 cho chị Nguyễn Phạm Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, hiện tại cháu L đang sống chung với chị N nên được giữ nguyên.

Anh Trương Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Tấn L, sinh ngày 28/3/2021 mỗi tháng là 5.000.000 đồng/tháng, từ ngày 01/5/2026 cho đến khi cháu Trương Tấn L đủ 18 tuổi.

Anh Trương Tấn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Phạm Huỳnh N và anh Trương Tấn T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Phạm Huỳnh N và anh Trương Tấn T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Phạm Huỳnh N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về nghĩa vụ cấp dưỡng của anh T. Chị Nguyễn Phạm Huỳnh N đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004567 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Công Bằng